

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA SINH VIÊN

• NGUYỄN THÀNH NHÂN

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh

Mục tiêu chính của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực chất lượng cao thuộc các lĩnh vực chuyên môn và ngành nghề khác nhau cho xã hội. Chủ trương đổi mới giáo dục đại học nước ta là từng bước đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường đại học xây dựng lộ trình và chương trình hành động nâng cao chất lượng đào tạo.

Bài viết này đề cập một số vấn đề lí luận cơ bản về đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) theo định hướng phát triển năng lực (PTNL) của sinh viên (SV) ở cấp độ môn học, qua đó tạo tiền đề ban đầu đổi mới ĐGKQHT ở đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

1. Các khái niệm cơ bản

1.1. Khái niệm năng lực trong lĩnh vực giáo dục

Có nhiều cách hiểu về khái niệm năng lực, tùy theo hướng tiếp cận, lĩnh vực nghiên cứu và phạm vi ứng dụng của các ngành khoa học khác nhau... Nhìn chung, khái niệm năng lực đề cập đến khả năng thực tế của con người được thể hiện trong các dạng hoạt động khác nhau đảm bảo hoạt động ấy được thực hiện; kết quả thực hiện hoạt động (ở những mức độ cao, thấp khác nhau) phản ánh mức độ phát triển năng lực của con người. Năng lực không phải là bẩm sinh mà được hình thành và phát triển qua giáo dục, đào tạo và huấn luyện.

Trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, xuất phát từ mục tiêu đào tạo và yêu cầu xã hội đối với sản phẩm đào tạo; xét trong mối quan hệ giữa yêu cầu về kết quả học tập mong đợi trong quá trình đào tạo và khả năng của người học, khái niệm năng lực được hiểu như sau:

Năng lực là khả năng hoạt động thực tế của cá nhân, phản ánh việc thực hiện (các) công việc khác nhau theo (những) nội dung, nhiệm vụ, đối tượng cụ thể trong các tình huống, điều kiện cho

trước nhằm đảm bảo hoạt động đạt kết quả [5].

Như vậy, năng lực là tổ hợp các thành tố cơ bản có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, trong đó bao gồm: (1) tri thức (kiến thức và khả năng nhận thức); (2) hệ kĩ năng, kĩ xảo (thể hiện trong nhận thức, trong hành động thực tế và trong ứng xử xã hội); (3) hệ thống thái độ (thể hiện trong mối quan hệ với bản thân, với môi trường sống tự nhiên và với con người) và (4) tổng hợp 3 thành tố trên.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở đại học, việc xem xét năng lực theo hướng tiếp cận trên sẽ cho thấy rõ các yếu tố cơ bản góp phần tạo nên năng lực ở SV và những khía cạnh đánh giá năng lực của SV trong quá trình dạy học đại học (QTDHĐH).

1.2. Sự phát triển năng lực của sinh viên

Sự phát triển năng lực của SV được hiểu như là kết quả của quá trình đào tạo đại học, được thể hiện trên 3 phương diện: (1) bề rộng, chiều sâu của tri thức khoa học được tích lũy tương ứng với khả năng phân tích và tư duy phê phán, khả năng tổng hợp và tư duy sáng tạo; (2) khả năng vận dụng tri thức và kĩ năng tương ứng trong việc xử lí tình huống, giải quyết các nhiệm vụ nhận thức, thực tiễn nghề nghiệp và quan hệ xã hội; và (3) sự trưởng thành về mặt thái độ, tự nhận thức, ý thức đạo đức và nhân cách xã hội- nghề nghiệp.

1.3. Đánh giá học tập theo định hướng PTNL của SV

Ở đây ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV được xem xét như là một trong những hoạt động diễn ra trong QTDHĐH. ĐGKQHT dựa trên cơ sở phân tích có hệ thống những thông tin về kết quả học tập thu được bằng nhiều phương pháp, hình thức và công cụ khác nhau nhằm đưa ra những phán định mức độ đáp ứng mục tiêu về năng lực, có tác dụng xác nhận, điều chỉnh và tạo động lực tích cực thúc đẩy sự PTNL của SV trong hoạt động học tập.

2. QTDHĐH trong mối quan hệ với ĐGKQHT và sự PTNL của SV

Một trong những chức năng cơ bản của dạy học nói chung, dạy học ở đại học nói riêng là PTNL của người học. PTNL của SV trong QTDHĐH vừa là mục tiêu, vừa là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học ở nước ta hiện nay.

Vấn đề đặt ra trên bình diện lí luận là QTDHĐH và ĐGKQHT với sự PTNL của SV có mối quan hệ với nhau như thế nào, làm thế nào để thực hiện có hiệu quả mục tiêu PTNL qua ĐGKQHT của SV trong quá trình đó?

Để trả lời 2 câu hỏi trên cần xem xét QTDHĐH trên các *phương diện hoạt động, phương diện nội dung và phương diện tổ chức- quản lí* trong mối quan hệ với ĐGKQHT và sự PTNL của SV.

- Về mặt *hoạt động*, QTDHĐH được tổ chức thông qua các hoạt động chủ yếu là: hoạt động giảng dạy của giảng viên kết hợp với hoạt động học tập/tự học/nghiên cứu khoa học của SV, và hoạt động ĐGKQHT của SV trong quá trình đó [1]. Xét ở phương diện này ta thấy, PTNL của SV là điểm hội tụ chung trong hoạt động giảng dạy và học tập; là mục tiêu quan trọng mà quá trình dạy học ở đại học hướng đến. Sự PTNL của SV được quan tâm không chỉ sau khi kết thúc môn học mà cần được đặt ra trong suốt quá trình tổ chức dạy học môn học. Bởi vì, theo yêu cầu có tính chất nguyên tắc, năng lực của SV (phải) được hình thành, tiếp nối và phát triển cùng với tiến trình tổ chức hoạt động dạy học. Bằng hoạt động học tập mang tính chủ động và với thái độ tự giác của mình dưới sự tổ chức, hướng dẫn và điều khiển bởi giảng viên, SV được rèn luyện kĩ năng lĩnh hội và sử dụng tri thức khoa học để thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó đạt được mục tiêu đào tạo đặt ra. Do vậy, để theo dõi, ghi nhận, điều chỉnh, tạo động lực và xác định mức độ năng lực của SV trong quá trình học tập, ĐGKQHT của SV không thể chỉ tồn tại với tư cách là một hoạt động riêng lẻ hoặc mang tính giai đoạn, tính thời điểm trong QTDHĐH mà được tiến hành thường xuyên trong quá trình

đó. Mối quan hệ giữa QTDHĐH và sự PTNL của SV được xét ở đây là mối quan hệ phương tiện- mục đích: giữa một bên là hoạt động (dạy- học) và bên kia là mục tiêu cần đạt của hoạt động ấy; trong đó, ĐGKQHT trở thành phương pháp đặc biệt được sử dụng có tác dụng thẩm định mức độ đạt được mục tiêu về năng lực của SV đặt ra trong QTDHĐH.

- Về mặt *nội dung*, QTDHĐH được tổ chức nhằm trang bị cho SV một cách có hệ thống những tri thức khoa học cơ bản và chuyên ngành, các kĩ năng chuyên môn và nghiệp vụ, thái độ đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất nhân cách của công dân... được quy định trong Luật Giáo dục, được thể hiện trong chương trình đào tạo và được thực hiện thông qua các hoạt động giảng dạy- học tập- đánh giá. Muốn vậy, nội dung dạy học dù ở bất cứ cấp độ nào- chuyên đề/học phần/tin chỉ/môn học/chương trình học... hay được tổ chức dưới bất cứ hình thức nào- tiết học lí thuyết trên lớp/thảo luận/bài tập thực hành/bài tập nghiên cứu/tiểu luận/khóa luận/thí nghiệm/thực tế/kiến tập/ thực tập... đều được thiết kế trên cơ sở tích hợp kiến thức- kĩ năng- thái độ- hành vi ứng xử... trong mỗi đơn vị cơ sở (unit) của nội dung dạy học, có tính đến mối liên hệ với các đơn vị khác trong tổng thể môn học, chương trình học và triển khai giảng dạy-học tập-đánh giá theo năng lực và chuẩn đầu ra¹. Xét ở phương diện này ta thấy, năng lực và sự PTNL của SV không trực tiếp thuộc về nội dung của môn học trong QTDHĐH, mà chúng được tạo ra từ kết quả vận hành của quá trình đó (theo quan hệ nhân- quả). Đó là mối quan hệ giữa quá trình (chiếm lĩnh nội dung học tập) và kết quả (hình thành, phát triển năng lực tương ứng ở SV); trong đó, ĐGKQHT được xem như là một trong những công cụ dạy học, có tác dụng thúc đẩy tạo lập năng lực của SV trong quá trình đào tạo².

- Về mặt *tổ chức- quản lí*, QTDHĐH có thể được tổ chức - quản lí theo các dạng thức khác nhau. Dù tồn tại dưới dạng thức quản lí nào đi chăng nữa- học chế niên chế/học chế

1. Lê Đức Ngọc-Trần Hữu Hoan, *Chuẩn đầu ra trong giáo dục đại học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 55, tháng 4/2010.

2. http://www.julieboyd.com.au/ILF/pages/members/cats/bkovervus/t_and_learn_pdfs/student_centred_assessment.pdf



học phần³/học chế tin chỉ⁴... thì mục tiêu đặt ra trong QTDHĐH vẫn không thể coi nhẹ sự PTNL của SV. Tóm lại, xét ở phương diện này, mối quan hệ giữa tổ chức - quản lí QTDHĐH với ĐGKQHT và sự PTNL của SV là mối quan hệ tương hỗ-thích nghi; trong đó, ĐGKQHT đưa ra phán xét về chất lượng đào tạo và là căn cứ ra quyết định quản lí đào tạo, có tác dụng chẩn đoán, xác nhận năng lực của SV cũng như điều chỉnh và tạo động lực tích cực trong giảng dạy và học tập.

ĐGKQHT trong QTDHĐH, dù được phân tích trên nhiều phương diện khác nhau đều có những chức năng và tác dụng đáng kể góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ dạy học đại học nói riêng, mục tiêu đào tạo đại học nói chung. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học nhằm từng bước đảm bảo và nâng cao chất lượng, vấn đề đánh giá chất lượng đào tạo nói chung, ĐGKQHT nói riêng cần đổi mới theo định hướng PTNL của người học.

3. Một số đặc điểm, yêu cầu của ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV

ĐGKQHT theo định hướng PTNL, về những nội dung lí thuyết cơ bản, vẫn đặt trên nền tảng lí luận chung của kiểm tra- đánh giá trong dạy-học đại học [3]. Dưới đây trình bày sơ nét về đặc điểm, yêu cầu ĐGKQHT theo định hướng PTNL làm cơ sở đổi mới ĐGKQHT của SV trong giáo dục đại học hiện nay.

Bảng 1: Một số đặc điểm, yêu cầu của ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV⁵

ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV		
STT	Đặc điểm	Yêu cầu
1	Căn cứ trên các tiêu chí	Đảm bảo tính giá trị và độ tin cậy
2	Có sự tham gia của SV trong quá trình đánh giá	Đảm bảo tính linh hoạt
3	Phán định dựa trên các bằng chứng	Đảm bảo sự công bằng
4	Diễn ra trong mối liên hệ giảng dạy-học tập	Thúc đẩy học tập và tự đánh giá

3.1. Đánh giá được thực hiện theo tiêu chí

Kết quả của cá nhân SV được đo lường và đánh giá trong mối liên hệ với các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực, phản ánh mức độ kì vọng về năng lực sinh viên cần đạt và mức độ thực tế (đạt/ hay không đạt) của sinh viên. Đây là đặc điểm cơ bản khác với đánh giá theo chuẩn, thành tích của cá nhân được đánh giá trong mối liên hệ với thành quả của cá nhân khác trong nhóm. Yêu cầu có tính chất nguyên tắc đặt ra ở đây trong ĐGKQHT theo định hướng PTNL là tính giá trị và độ tin cậy của kết quả đánh giá cũng như công cụ đánh giá phải được đảm bảo.

3.2. SV được tham gia vào quá trình đánh giá

Sự tham gia của SV và giảng viên vào quá trình đánh giá nhằm trao đổi, thương lượng đi đến thỏa thuận thống nhất các yêu cầu và các hình thức đánh giá thích hợp trong QTDHĐH. Trong ĐGKQHT theo định hướng PTNL, hình thức đánh giá rất linh hoạt và phong phú, chúng được tiến hành không chỉ trong hoạt động học tập trên lớp của SV mà còn được thực hiện trong các hoạt động thực tế đa dạng, không bị giới hạn bởi tính thời điểm hay không gian. Do vậy, đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo trong quá trình đánh giá là một trong những nguyên tắc ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV.

3.3. Quyết định đánh giá được đưa ra dựa trên các bằng chứng

Bằng chứng đánh giá là kết quả SV thực hiện các loại bài kiểm tra khác nhau (đương nhiên, phải đáp ứng các yêu cầu về mục tiêu, chuẩn và tiêu chí đánh giá), chúng là nguồn dữ kiện cho các quyết định về năng lực đạt được của SV trong quá trình học tập. Trong ĐGKQHT theo định hướng PTNL, để đánh giá một năng lực nào đó của SV, SV phải được kiểm tra thông qua các hoạt động được thực hiện trong nhiều hoàn cảnh, tình huống khác nhau chứ không chỉ thông qua một hoạt động duy nhất trong tình huống cho sẵn [5]. Nhờ đó, người đánh giá có thể có cơ sở đầy đủ hơn cho các quyết định về mức độ làm chủ năng lực của SV. Tất nhiên, sự công bằng, không thiên vị phải được xem trọng

3. Lê Thạc Cán, *Khái niệm học phần trong tổ chức quá trình đào tạo Đại học, Thông tin chuyên đề tháng 11/1987,*

Viện Nghiên cứu giáo dục Đại học và Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1988

4. <http://www.dhsptn.edu.vn/traodoitinchil/ppdayhoc.htm>

5. http://www.fahcsia.gov.au/sa/disability/pubs/employers/prorata_wage_research/Pages/comp_based_assess.aspx

trong quá trình ĐGKQHT theo định hướng PTNL của SV.

3.4 Đánh giá diễn ra trong mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy và học tập

Sự gắn kết trước hết được hình dung trong hoạt động của giảng viên: quan điểm của người dạy-mục tiêu môn học-kết quả mong đợi ở SV- hoạt động giảng dạy- đánh giá; hoạt động của SV: quan điểm của SV-nhận ra các yêu cầu về đánh giá môn học- các hoạt động học tập-kết quả học tập⁶. Thông thường, SV thường quan tâm học những gì mà họ cho rằng là sẽ được kiểm tra, đánh giá, chứ không phải những gì có trong chương trình dù ngay cả khi những nội dung ấy được dạy trên lớp⁷. Đánh giá được thực hiện tại thời điểm kết thúc một nội dung học tập cụ thể của môn học và/hoặc kết thúc môn học trong tiến trình giảng dạy của giảng viên nhưng lại là điểm khởi đầu giúp SV: (1) nhận ra sự thay đổi (tiến bộ) và chỉ ra điều chưa đạt (hạn chế); (2) hình thành động cơ học tập tích cực; và (3) hình thành kĩ năng tự đánh giá. Vì vậy, giảng dạy và đánh giá của giảng viên (phải) trở thành chất xúc tác để tạo động lực tích cực đối với

hoạt động học tập và tự đánh giá của SV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biggs, J. B., *Teaching for quality learning at university: what the student does*, 2nd ed. Buckingham, Society for Research into Higher Education, 2003.
2. Hall, W.C., *Key aspects of competency- based assessment*, NCVER, 1995.
3. Đặng Bá Lâm, *Kiểm tra- đánh giá trong dạy- học đại học*, NXB Giáo dục, 2003.
4. Stiggins, R.J., *Student-Centered Classroom Assessment*, http://www.julieboyd.com.au/ILF/pages/members/cats/bkovervus/t_and_learn_pdfs/student_centred_assessment.pdf
5. Xavier Roegiers, *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, NXB Giáo dục, 1996.

SUMMARY

This article addresses some basic theoretical issues on learning results assessment towards capacity development by students at subject level, making preconditions for learning assessment innovation in higher education, contributing to quality improvement.

ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG...

(Tiếp theo trang 17)

4. Bhandari, N. (2006). *Question of rank*. Retrieved January 18, 2007, from <http://www.smh.com.au>.
5. Birchard, K. (2006). *A group of Canadian universities says it will boycott a popular magazine ranking*.
6. Brillier V., Phạm Thị Ly, Vũ Thị Phương Anh, Bùi Mạnh Nhị. "**Xếp hạng ĐH: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam**". Chuyên đề đề tài "Xác định các tiêu chuẩn cho ĐH Việt Nam đạt tầm quốc tế", tháng 9-2007, Việt Nam.
7. Brillier V., Shnara Iskakova *Xếp hạng ĐH ở Trung Á: Kinh nghiệm của Kazhakstan*. Tác giả: "University Ranking in Central Asia: The Experiences of Kazhakstan". In S. Heynemann and A. DeYoung, eds., *Challenges of Education in Central Asia*. Greenwich (Conn.): Information Age Publishing, 2004, pp.58-75. Người dịch: Phạm Thị Ly. Bản tin Thông tin GD Quốc tế tháng 9-2007
8. Fillinov N. B., & Ruchkina, S. (2002). *The ranking of higher education institution in Russia: Some methodological problems*. *Higher Education in Europe*,

27(4), 407-421

9. Nian Cai Liu. "*Các trường ĐH nghiên cứu ở Trung Quốc: sự phân biệt, cách phân loại, và vị trí đẳng cấp thế giới trong tương lai*". "Research Universities in China: Differentiation, Classification, and Future World-Class Status" Transforming Research Universities in Asia and Latin America: World-Class Worldwide. Edited by Philip Altbach & Jorge Balán. Johns Hopkins University Press 2007. Người dịch: Phạm Thị Ly. Bản tin Thông tin GD Quốc tế tháng 5-2008.

SUMMARY

University ranking has been done for long time in the West and recently in Asia starting from Shanghai Jaotong in 2003. In Vietnam this issue emerged in 2005 with the needs for quality and internationally recognized universities. This article addresses the lessons from Western and Chinese experience to Vietnam, impacts of ranking and new trends in university ranking.

6. http://www.heacademy.ac.uk/assets/York/documents/resources/resourcedatabase/id477_aligning_teaching_for_constructing_learning.pdf

7. Ramsden, P. (1992), *Learning to Teach in Higher Education*. London: Routledge.